

1. Tiền mẫu là đồng tiền chính thức của Việt Nam, có thêm chữ "tiền mẫu" hoặc chữ "Specimen". Tiền mẫu được dùng làm chuẩn để đối chứng trong nghiệp vụ phát hành tiền và không có giá trị làm phương tiện thanh toán trong lưu thông.

2. Ngân hàng Nhà nước có thể bán tiền mẫu cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước dùng làm vật đối chứng, sưu tập hoặc lưu niệm.

Điều 26. Tiền lưu niệm

1. Tiền lưu niệm là đồng tiền tượng trưng không có giá trị làm phương tiện thanh toán, được phát hành cho mục đích sưu tập, lưu niệm hoặc mục đích khác.

2. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt mẫu thiết kế, quyết định chất liệu, mệnh giá và số lượng các loại tiền lưu niệm cần in, đúc.

3. Ngân hàng Nhà nước tự tổ chức sản xuất hoặc hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước sản xuất và tiêu thụ tiền lưu niệm.

Điều 27. Quản lý tiền mẫu, tiền lưu niệm

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành quy chế quản lý tiền mẫu, tiền lưu niệm.

2. Các khoản thu - chi về sản xuất, tiêu thụ tiền mẫu, tiền lưu niệm được hạch toán vào thu - chi nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 28. Khen thưởng

Hàng năm Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xem xét, khen thưởng hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, khen thưởng các tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

Điều 29. Xử lý vi phạm

Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định của Nghị định này, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Những văn bản trước đây trái với Nghị định này đều hết hiệu lực.

Điều 31. Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Nghị định này.

Điều 32. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 82/1998/ND-CP ngày 03/10/1998 về ban hành Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997, Luật các tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12 tháng 12 năm 1997;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước,

09641528

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.TuuYenPhapLuat.com

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng.

Điều 2.

1. Các tổ chức tín dụng đã được cấp giấy phép thành lập, hoạt động trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành có vốn điều lệ thấp hơn mức vốn pháp định tại Danh mục mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng kèm theo Nghị định này, trong thời hạn 3 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, phải tăng vốn điều lệ cho đủ bằng mức vốn pháp định. Mức tăng vốn điều lệ hàng năm tối thiểu bằng một phần ba (1/3) số vốn điều lệ còn thiếu so với vốn pháp định.

2. Sau thời hạn 3 năm, vốn điều lệ của các tổ chức tín dụng không bảo đảm đủ bằng mức vốn pháp định, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sẽ thu hồi giấy phép hoạt động.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, khi có sự thay đổi về điều kiện an toàn trong hoạt động kinh doanh của tổ chức tín dụng, nhu cầu vốn của nền kinh tế và khả năng tài chính của Nhà nước, của các tổ chức tín dụng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định thay đổi mức vốn pháp định của các tổ chức tín dụng ghi trong Danh mục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 4. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế các văn bản trước đây không phù hợp với Nghị định này.

Điều 5. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

DANH MỤC

MỨC VỐN PHÁP ĐỊNH CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

(ban hành kèm theo Nghị định số 82/1998/NĐ-CP ngày 03/10/1998 của Chính phủ).

Thứ tự	Ngân hàng	Mức vốn pháp định	Đơn vị
I	NGÂN HÀNG		
1.	Ngân hàng thương mại.		
a)	Ngân hàng thương mại quốc doanh		
	- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	2.200	tỷ VND
	- Các ngân hàng thương mại quốc doanh khác	1.100	tỷ VND
b)	Ngân hàng thương mại cổ phần:		
	- Ngân hàng thương mại cổ phần đô thị:		
	+ Tại thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh	70	tỷ VND
	+ Tại các tỉnh, thành phố khác	50	tỷ VND
	- Ngân hàng thương mại cổ phần nông thôn	5	tỷ VND
2.	Ngân hàng Phát triển	1.000	tỷ VND
3.	Ngân hàng Đầu tư	500	tỷ VND
4.	Ngân hàng Chính sách	500	tỷ VND

09641528

5.	Ngân hàng hợp tác		
a)	Ngân hàng hợp tác đô thị	5	tỷ VND
b)	Ngân hàng hợp tác nông thôn	3	tỷ VND
6.	Quỹ tín dụng nhân dân:		
a)	Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở	0,1	tỷ VND
b)	Quỹ tín dụng nhân dân khu vực	1	tỷ VND
c)	Quỹ tín dụng nhân dân trung ương	100	tỷ VND
7.	Hợp tác xã tín dụng	0,1	tỷ VND
8.	Ngân hàng liên doanh	10.000.000	USD
9.	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	15.000.000	USD
II. TỔ CHỨC TÍN DỤNG PHI NGÂN HÀNG			
1.	Tổ chức tín dụng phi ngân hàng Việt Nam	50	tỷ VND
2.	Tổ chức tín dụng phi ngân hàng liên doanh với nước ngoài	5.000.000	USD
3.	Tổ chức tín dụng phi ngân hàng 100% vốn nước ngoài	5.000.000	USD

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 83/1998/
ND-CP ngày 10/10/1998 về đăng
ký hộ tịch.**

CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng
9 năm 1992;*

*Để thực hiện thống nhất việc quản lý nhà nước
về hộ tịch, nhằm tạo thuận lợi cho cá nhân, tổ chức
khi đăng ký hộ tịch;*

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tư pháp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Hộ tịch và đăng ký hộ tịch

Hộ tịch là những sự kiện cơ bản xác định tình

trạng nhân thân của một người từ khi sinh ra đến
khi chết.

Đăng ký hộ tịch theo quy định của Nghị định
này là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

1. Xác nhận các sự kiện: sinh; kết hôn; tử; nuôi
con nuôi; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; thay đổi
họ, tên, chữ đệm; cải chính họ, tên, chữ đệm,
ngày, tháng, năm sinh; xác định lại dân tộc; đăng
ký khai sinh, khai tử quá hạn; đăng ký lại các
việc sinh, tử, kết hôn, nhận nuôi con nuôi;

2. Căn cứ vào quyết định của cơ quan nhà nước
có thẩm quyền, ghi vào sổ đăng ký hộ tịch các việc
về ly hôn, xác định cha, mẹ, con, thay đổi quốc
tịch, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự, hạn
chế năng lực hành vi dân sự, hủy hôn nhân trái
pháp luật, hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con
chưa thành niên hoặc những sự kiện khác do pháp
luật quy định.

Giấy tờ hộ tịch do cơ quan nhà nước có thẩm
quyền cấp theo thủ tục, trình tự được quy định
tại Nghị định này là bằng chứng công nhận các
sự kiện về hộ tịch, làm phát sinh, thay đổi hoặc
chấm dứt quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tổ chức.